

VV
XBP 4822

CỘNG SẢN VIỆT NAM
TỈNH ỦY ĐỒNG NAI

VĂN KIẾN

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ
TỈNH ĐỒNG NAI - LẦN THỨ VII
(NHIỆM KỲ 2001 - 2005)

TẬP I

(LƯU HÀNH NỘI BỘ)



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI - 2001

ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU LẦN THỨ VII

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Biên Hòa, ngày 28 tháng 12 năm 2000

DIỄN VĂN KHAI MẠC

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU

ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI LẦN THỨ VII

(Do đồng chí Trần Thị Minh Hoàng UVBCHTW Đảng, Bí thư tỉnh ủy khóa VI đọc)

Kính thưa : - Đồng chí Nguyễn Mạnh Cầm, ủy viên Bộ Chính trị, phó Thủ tướng Chính phủ.

- Đoàn Chủ tịch Đại hội Các đồng chí lãnh đạo, đại diện các Ban Đảng Trung ương
- Các đồng chí khách quý
- Thưa các đồng chí đại biểu.

Trong không khí toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đang tích cực thi đua Lập thành tích thiết thực chào mừng Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng; trong khí thế phấn khởi Đảng bộ, quân và dân tỉnh Đồng Nai vừa đón nhận danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân do Nhà nước phong tặng và chuẩn bị đón giao thừa bước sang thế kỷ mới; hôm nay, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai long trọng khai mạc Đại hội đại biểu lần thứ VII.

Thay mặt Đoàn Chủ tịch, tôi xin gửi lời chào trân trọng đến các đồng chí đại biểu chính thức của 14 Đảng bộ trực thuộc tỉnh, là những đảng viên ưu tú, tiêu biểu cho sức mạnh đoàn kết và trí tuệ của toàn Đảng bộ dự Đại hội lần thứ VII Đảng bộ tỉnh.

Đại hội xin nhiệt liệt chào mừng đồng chí Nguyễn Mạnh Cảm, UV Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ về dự và chỉ đạo Đại hội, các đồng chí lãnh đạo đại diện các Ban Đảng Trung ương, các đồng chí khách quý, các đại diện cơ quan và phóng viên các báo, đài Trung ương, địa phương về dự và tuyên truyền cho Đại hội.

Kính thưa đại biểu Đại hội

Thực hiện Chỉ thị 54-CT/TW của Bộ Chính trị về Đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng; Đảng bộ tỉnh đã chỉ đạo chặt chẽ cho **705/705** tổ chức cơ sở Đảng và **14/14** Đảng bộ trực thuộc tiến hành Đại hội thắng lợi; phát huy được tính dân chủ, đoàn kết kỷ cương, thống nhất; đúng qui trình, nguyên tắc theo quy định của Trung ương. Thắng lợi của Đại hội Đảng bộ cơ sở và Đại hội Đảng bộ trực thuộc đã tạo tiền đề thuận lợi cho công tác chuẩn bị và tiến hành Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ VII (Nhiệm kỳ 2001 -2005)

Kính thưa đại biểu Đại hội,

Kính thưa các vị khách quý,

Giai đoạn 2001 – 2005 là bước quan trọng đặt nền móng cho việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong 10 năm đầu của thế kỷ XXI, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Đồng Nai là một tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có nhiều thời cơ phát triển

kinh tế, hội nhập kinh tế khu vực và kinh tế quốc tế; song khó khăn và thách thức còn rất lớn. Để tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng:

“Tăng cường đoàn kết toàn dân, giữ vững ổn định chính trị, phát huy nội lực, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng Đồng Nai giàu đẹp, văn minh”, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VII phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

1- Đại hội phát huy cao độ trí tuệ tập thể và tinh thần trách nhiệm, tiến hành thảo luận đóng góp ý kiến vào dự thảo Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng, dự thảo Điều lệ Đảng (sửa đổi, bổ sung) trình Đại hội IX của Đảng.

2- Đại hội cần tập trung thảo luận Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khóa VI), trong đó đi sâu tổng kết các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ khóa VI (nhiệm kỳ 1996 - 2000), Nghị quyết Đại hội VIII và các Nghị quyết của Trung ương Đảng khóa VIII, nêu rõ mục tiêu, giải pháp nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Kiểm điểm việc thực hiện cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), đánh giá đúng những kết quả đã đạt được, chỉ rõ những tồn tại, yếu kém, tìm ra nguyên nhân và rút ra những bài học kinh nghiệm, làm cơ sở cho Ban chấp hành Đảng bộ khóa VII vận dụng và phát huy để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ do Đại hội giao phó.

3- Trên cơ sở quán triệt tình hình và nhiệm vụ mới của Đảng, vận dụng những bài học kinh nghiệm về công tác lãnh đạo, quản lý kinh tế - xã hội, về công tác xây dựng Đảng và công tác vận động quần chúng; Đại hội nghiên cứu, thảo luận về tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng và lựa chọn những đồng chí có đủ tiêu chuẩn về quan điểm lập trường, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có bản lĩnh chính trị vững vàng trước những khó khăn thử thách thức, có phẩm chất đạo đức tốt, nêu cao ý thức đoàn kết xây dựng chính quyền; được Đảng viên và quần chúng tín nhiệm, có kiến thức và năng lực tham gia lãnh đạo tập thể để bầu vào Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VII, cùng Đảng bộ tỉnh lãnh đạo thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ VII Đảng bộ tỉnh.

4- Bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX theo đúng qui định của Điều lệ Đảng và hướng dẫn của Trung ương, gồm các đồng chí có đủ tiêu chuẩn, trung thành với lý tưởng của Đảng, có phẩm chất chính trị vững vàng, có lối sống trong sạch, lành mạnh, trung thực; có tinh thần tự phê bình và phê bình; có khả năng đóng góp vào sự thành công của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX.

Kính thưa đại biểu Đại hội,

Thưa các vị khách quý.

Quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Ban chấp hành Trung ương Đảng: phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; với tinh thần trách nhiệm trước Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh, Đoàn chủ tịch tin tưởng rằng đại biểu Đại hội sẽ làm việc tích cực, nghiêm túc, khách quan; phát huy dân chủ, tập trung trí tuệ, thể hiện sự nhất trí cao trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Đại hội. Mỗi đại biểu có trách nhiệm thực hiện nghiêm qui chế làm việc, nội dung, chương trình Đại hội; phải ra sức thể hiện tinh tiên phong, gương mẫu để góp phần vào sự thành công của Đại hội; đáp ứng sự tín nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh.

Trong niềm tin tưởng đó, thay mặt Đoàn Chủ tịch, tôi tuyên bố khai mạc Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VII.

Kính chúc các đồng chí đại biểu, các vị khách quý mạnh khỏe, hạnh phúc, thắng lợi.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU LẦN THỨ VII

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Biên Hòa, ngày 28 tháng 12 năm 2000

TĂNG CƯỜNG ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN, GIỮ VỮNG ỔN ĐỊNH CHÍNH TRỊ, PHÁT HUY
NỘI LỰC, ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA, XÂY DỰNG ĐỒNG NAI GIÀU
ĐẸP, VĂN MINH.

BÁO CÁO CHÍNH TRỊ

CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI KHÓA VI

TẠI ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI LẦN THỨ VII (NHIỆM KỲ 2001 -2005)

5 năm 1996 - 2000 là giai đoạn có ý nghĩa rất quan trọng của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Quán triệt Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, căn cứ vào tình hình chung của cả nước và ở tỉnh, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI đã đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của nhiệm kỳ 1996 – 2000 là : *“ Giữ vững và tăng cường ổn định chính trị; nắm bắt thời cơ, vượt qua khó khăn thử thách, khai thác và tận dụng mọi nguồn lực cho yêu cầu đầu tư phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phấn đấu xây dựng Đồng Nai thành một tỉnh công nghiệp phát triển, từng bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn, đẩy mạnh phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch, tiếp tục thực hiện cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp - dịch vụ với mức tăng trưởng cao. Bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế liên tục, vững chắc với giải quyết các vấn đề về văn hóa - xã hội, an ninh quốc phòng, nâng dần mức sống vật chất, tinh thần của nhân dân góp phần cùng cả nước thúc đẩy công cuộc đổi mới phát triển một cách toàn diện và đồng bộ, tạo tiền đề cơ bản cho bước phát triển cao hơn trong những năm đầu của thế kỷ 21”*.



Đồng chí Trần Thị Minh Hoàng – Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII, Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai khoá VI đang trình bày báo cáo chính trị tại Đại hội.

Ảnh: Phan Dấu

Những năm qua, tình hình thế giới diễn biến phức tạp, cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ ở các nước thuộc khu vực châu Á đã tác động xấu đến kinh tế nước ta. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch vẫn tiếp tục thực hiện âm mưu diễn biến hòa bình hòng phá hoại sự nghiệp đổi mới của Đảng ta. Tình hình kinh tế- xã hội trong tỉnh vẫn còn khó khăn: Thời tiết diễn biến thất thường; hiệu quả và sức cạnh tranh của hàng hóa nội địa thấp; quản lý kinh tế - xã hội nhiều mặt chưa tốt, chưa theo kịp yêu cầu đổi mới; còn

nhiều vấn đề bức xúc về vốn, thị trường, việc làm cho người lao động, thực hiện chính sách xã hội và phải giải quyết các vấn đề tệ nạn xã hội khác. Song, với tinh thần tự lực, tự cường, kiên định mục tiêu xã hội chủ nghĩa; tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh đã tích cực phát huy những thành tích đạt được, nỗ lực vượt qua khó khăn, quyết tâm thực hiện thắng lợi phương hướng, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội VI Đảng bộ tỉnh đã đề ra. Đại hội lần thứ VII của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần này có nhiệm vụ phát huy trí tuệ tập thể toàn Đảng bộ, tổng kết các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, đánh giá đúng những kết quả đạt được, chỉ rõ những tồn tại, yếu kém, rút ra những bài học kinh nghiệm chủ yếu, trên cơ sở đó tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng: *“tăng cường đoàn kết toàn dân, giữ vững ổn định chính trị, phát huy nội lực, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng Đồng Nai giàu đẹp, văn minh”*

Với yêu cầu và mục tiêu đó, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VI trình trước Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII, nội dung báo cáo chính trị sau đây:

PHẦN THỨ NHẤT

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI LẦN THỨ VI ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI

I/- NHỮNG THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC:

1/- Đã nỗ lực vượt qua khó khăn, duy trì nhịp độ tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp dịch vụ và nông nghiệp, thiết lập nền tảng vật chất tinh thần quan trọng, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

Mức tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm tăng 12% (cả nước tăng 6,7%), mặc dù chưa đạt so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội VI Đảng bộ tỉnh, nhưng quy mô tổng sản phẩm quốc nội đến năm 2000 gấp 2 lần so với năm 1995. Công nghiệp tiếp tục phát triển với mức tăng trưởng cao (giá trị sản xuất tăng bình quân 20,3%/ năm), trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 31,5%, trong nước tăng 10%. Năng suất lao động ngành công nghiệp cao gấp 2 lần ngành dịch vụ và 14 lần ngành nông nghiệp. Nhờ vậy, đã tạo ra cơ sở vật chất đáng kể cho nền kinh tế, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn, hình thành một số ngành công nghiệp chủ lực có vai trò chi phối không chỉ đối với nông nghiệp, dịch vụ mà cho cả kinh tế trên địa bàn như: chế biến nông sản, thực phẩm, công nghiệp dệt, giày da, may mặc; công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp điện, nước; đặc biệt là các ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn như sản xuất phân bón, cơ khí chế tạo và sửa chữa.

Sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện cả trồng trọt và chăn nuôi. Giá trị sản xuất tăng bình quân 4,2%/năm. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp có bước chuyển tích cực, nâng tỷ trọng chăn nuôi trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp từ 18% năm 1995 lên 23,5% năm 2000, Quá trình phát triển nông nghiệp đã gắn bó hơn với quá trình xây dựng nông thôn mới và cải thiện đời sống nông dân theo tinh thần Nghị quyết TW5 (khóa VIII). Một số ngành nghề truyền thống được phục hồi và có bước phát triển, mạng lưới dịch vụ phục vụ nông nghiệp được củng cố và mở rộng đến các cu5m xã vùng sâu, vùng xa.

Các ngành dịch vụ từng bước được củng cố, tổ chức lại theo Nghị quyết 12/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII). Đã hình thành mối quan hệ mua bán giữa các đơn vị sản xuất với ngành thương mại, mở rộng thêm thị trường hàng hoá nội địa đáp ứng cơ bản nhu cầu đời sống ngày càng tăng của nhân dân nhất là ở các vùng sâu, vùng xa. Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 48,7%/năm, tỷ trọng hàng xuất khẩu qua chế biến đạt 70%, vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội VI đề ra. Nhập khẩu tập trung chủ yếu phục vụ cho sản xuất. Một số loại hình dịch vụ như: dịch vụ vận tải, xây dựng, buru điện, yín dụng, dịch vụ pháp ký tiếp tục phát triển, đồng thời mở ra các loại hình dịch vụ mới như : cho thuê nhà ở, tư vấn đất đai.

Tổng vốn đầu tư trên địa bàn gấp 2,5 lần so với thời kỳ 1991 – 1995, nâng tỷ trọng vốn đầu tư trong nước từ 24% năm 2005 lên 40% năm 2000. Cơ cấu đầu tư đúng định hướng, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tập trung hơn như : điện, giao thông, thông tin liên lạc, nước, thủy lợi, cơ sở vật chất cho giáo dục y tế... làm tăng thêm năng lực phục vụ sản xuất và cải thiện đời sống dân cư ở một số khu công nghiệp, các trung tâm đô thị, thị trấn và một số vùng nông thôn. Nguồn vốn đầu tư nước ngoài gấp 3 lần so với thời kỳ 1991 – 1995, với cơ cấu đầu tư tập trung cho công nghiệp (chiếm 90%), phù hợp với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn. Khắc phục tình trạng kêu gọi đầu tư nước ngoài thiếu chọn lọc của những năm đầu đổi mới.

Khu vực nhà nước được củng cố, sắp xếp lại theo hướng tăng năng lực sản xuất các doanh nghiệp (sát nhập, cổ phần hóa), đồng thời phân biệt rõ doanh nghiệp Nhà nước kinh doanh, doanh nghiệp Nhà nước công ích và đơn vị sự nghiệp... làm cơ sở cho ưu đãi đầu tư và thực hiện các chính sách tài chính khác, thúc đẩy doanh nghiệp Nhà nước nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Kinh tế hợp tác đã tiến hành đăng ký lại các Hợp tác xã theo luật Hợp tác xã. Hình thành nhiều loại hình kinh tế hợp tác đa dạng ở nông thôn như : xuất hiện hình thức hợp tác giữa hộ nông dân với doanh nghiệp Nhà nước để giải quyết đầu vào, đầu ra, sử dụng giống mới, có tác dụng tích cực, thúc đẩy sản xuất phát triển.

Khu vực kinh tế dân doanh có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng, chủ yếu là quy mô nhỏ và vừa với nhịp độ tăng trưởng bình quân hàng năm 8,1% và chiếm 40,0% trong tổng sản phẩm quốc nội trên địa bàn. Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục được khuyến khích đầu tư vào những ngành công nghiệp kỹ thuật cao, sử dụng nhiều lao động, chế biến nông sản thực phẩm, đóng góp vào sự phát triển kinh tế, tăng thêm kim ngạch xuất khẩu và tạo việc làm cho người lao động.

2/- Khoa học – công nghệ - môi trường có bước tiến bộ trong việc nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ, về quản lý tài nguyên môi trường. Trình độ công nghệ trong sản xuất công nghiệp có chuyển biến, một số sản phẩm đạt chất lượng khá, nâng cao được sức cạnh tranh trên thị trường. Trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, qua ứng dụng kỹ thuật canh tác tiên tiến, giống cây trồng, vật nuôi có tính ưu việt, năng suất một số cây trồng, vật nuôi tăng khá. Công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi trong các lĩnh vực quản lý Nhà nước, quản lý sản xuất và các lĩnh vực khác của xã hội. Chú trọng nghiên cứu triển

khai các đề tài khoa học về giai cấp công nhân, xây dựng Đảng, lịch sử, tôn giáo, tổng kết kinh nghiệm cuộc chiến tranh giữ nước, phục vụ có hiệu quả cho sự lãnh đạo chỉ đạo của tỉnh.

Công tác bảo vệ tài nguyên môi trường có chú trọng. Bước đầu đã nghiên cứu và triển khai thực hiện một số đề tài khoa học về giảm thiểu ô nhiễm môi trường ở một số khu công nghiệp.

3/- Sự nghiệp giáo dục – đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao có bước phát triển; các chương trình xóa đói giảm nghèo, chăm lo các đối tượng chính sách, giải quyết việc làm có tiến bộ.

Thông qua phương thức xã hội hóa gắn liền với đa dạng hóa các loại hình trường lớp trong giáo dục - đào tạo, đã giải quyết được cơ bản tình trạng thiếu phòng học, giảm Đảng kể lớp học ca 3. Đến năm 2000 trên 99% trẻ em trong độ tuổi vào học lớp 1, gần 82% được học trung học cơ sở, 40% được học phổ thông trung học, số học sinh đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp tăng gần 2 lần so năm 1996. Chất lượng giáo dục một số mặt được nâng lên, kết quả tỷ lệ học sinh thi tốt nghiệp trung học cơ sở và phổ thông trung học đạt trên 85% (vượt so mục tiêu Nghị quyết đề ra). Toàn tỉnh đã hoàn thành mục tiêu xóa mù chữ và phổ cập tiểu học (sớm hơn 2 năm so yêu cầu Nghị quyết), cơ bản thực hiện xong phổ cập trung học cơ sở ở 26/26 xã phường thuộc thành phố Biên Hòa và đang tiếp tục thực hiện ở các trung tâm thị trấn của huyện. Công tác giáo dục, đào tạo con em dân tộc giải quyết đời sống giáo viên miền núi có tiến bộ. Trình độ chuyên môn của đội ngũ giáo viên được nâng lên, tỷ lệ giáo viên được chuẩn hóa trên 95% (cơ bản đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra).

Thực hiện tốt kế hoạch đầu tư thiết bị các bệnh viện, đáp ứng tốt hơn cho yêu cầu khám, điều trị bệnh, củng cố và phát triển mạng lưới y tế cấp xã, phường (đạt 100% xã, phường, thị trấn đều có trạm y tế, 50% số xã có bác sĩ phục vụ). Tích cực tổ chức thực hiện các chương trình y tế quốc gia, hoạt động y học dân tộc, đã ngăn chặn được bệnh sốt rét, bước đầu quản lý được số người nhiễm HIV/AIDS đã phát hiện. Nâng dần tỷ lệ hộ dung nước hợp vệ sinh (đến năm 2000 đạt 80%). Công tác kế hoạch hóa gia đình được triển khai khá toàn diện, giảm tỷ lệ tăng tự nhiên dân số đến năm 2000 còn 1,5 % (vượt mục tiêu Nghị quyết đề ra). Công tác bảo hiểm y tế được cải tiến một bước về thủ tục cấp thẻ, khám, điều trị, thanh toán tạo điều kiện thuận lợi cho người tham gia bảo hiểm y tế đến khám và điều trị.

Phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe phát triển rộng khắp trong nhân dân, phong trào hội khỏe Phù Đổng và giáo dục thể chất trong các trường học có chuyên biến. Lực lượng cán bộ và vận động viên phát triển, thành tích thi đấu một số môn có tiến bộ và đã có vận động viên tham gia thi đấu ở một số giải quốc tế đoạt huy chương.

Chú trọng công tác bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em, nhất là trẻ em nghèo, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, kịp thời ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm hại trẻ em.

Các hoạt động văn hóa – thông tin có tiến bộ, từng bước đi vào chiều sâu, phát huy tính giáo dục truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc phục vụ thiết thực cho mục tiêu nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân. Phong trào thực hiện nếp sống văn minh, gia đình văn hóa được phát động rộng rãi từ các cơ quan, trường học, phường, xã, đến khu phố, xóm ấp, bước đầu có tác dụng tích cực với nhiều điển hình được bầu chọn. Chất lượng của các cơ quan tuyên truyền báo, đài phát thanh truyền hình, nhà xuất bản từng bước được nâng lên cả về hình thức và nội dung.

Đã mở ra nhiều hình thức đào tạo nghề, củng cố các trung tâm dịch vụ việc làm, thực hiện có hiệu quả việc lồng ghép các chương trình, mục tiêu, các nguồn vốn để giải quyết việc làm, cho vay xóa đói giảm nghèo, giảm tỷ lệ lao động chưa có việc làm, giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đói thường xuyên, giảm hộ nghèo (theo chuẩn mực cũ), nâng tỷ lệ hộ có mức sống tương đối khá (có điện, truyền hình, xe gắn máy, nhà kiên cố và bán kiên cố...) cao hơn so với các năm trước. Việc chăm lo cho các đối tượng chính sách, thương binh, gia đình liệt sĩ, bà mẹ Việt Nam anh hùng được thường xuyên quan tâm một cách thiết thực. Các hoạt động từ thiện, nhân đạo giúp đỡ người tàn tật, trẻ mồ côi, khuyết tật được Nhà nước và toàn xã hội nhiệt tình hưởng ứng, thu được kết quả tích cực.

4/- Bảo đảm quốc phòng an ninh vững chắc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, giữ ổn định về chính trị trật tự an toàn xã hội.

Thường xuyên chăm lo lực lượng vũ trang, củng cố và xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, huyện, thành phố ngày càng vững chắc. Tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống văn kiện phòng thủ theo phương án A, A2, A4 trên địa bàn tỉnh. Chú trọng việc tổ chức luyện

tập, diễn tập theo các phương án đạt kết quả tốt. Công tác tuyển quân, tuyển sinh quân sự hàng năm đều đạt chỉ tiêu về số lượng và chất lượng. Nhiệm vụ xây dựng, huấn luyện lực lượng thường trực, dân quân tự vệ, dự bị động viên thực hiện theo đúng pháp lệnh, chất lượng huấn luyện được nâng lên. Các công trình quốc phòng quan trọng trong tỉnh đều được tăng cường củng cố.

Công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Đã nắm sâu, có hệ thống và chủ động hơn trong việc phòng ngừa và đấu tranh ngăn chặn các hoạt động thực hiện âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch. Đấu tranh làm tốt công tác an ninh nội bộ, an ninh văn hóa, an ninh kinh tế, an ninh trật tự xã hội. Có chuyển biến tốt trong phong trào quần chúng tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng và củng cố các tổ an ninh nhân dân, các tổ tự quản, góp phần phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh có hiệu quả đối với các băng ổ nhóm tội phạm hình sự chuyên nghiệp, tội phạm ma túy và các tệ nạn xã hội khác.

Các cơ quan bảo vệ pháp luật có bước củng cố, kiện toàn, nâng chất lượng đội ngũ cán bộ về trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Công tác tuyên truyền giáo dục và phổ biến pháp luật được chú trọng. Chất lượng hoạt động trên các mặt điều tra, giam giữ, truy tố, xét xử, thi hành án được nâng cao và có tác dụng tích cực trong công tác răn đe, giáo dục, phòng ngừa. Công tác thanh tra, kiểm sát được tiến hành thường xuyên, phát hiện nhiều sai sót, vi phạm trong quản lý kinh tế, đất đai, giúp các cấp ủy và chính quyền củng cố nâng cao chất lượng công tác quản lý kinh tế - xã hội, quản lý cán bộ, đảng viên.

5/- Đã tập trung xây dựng chính quyền địa phương dựa trên bản chất Nhà nước ta là Nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân ; thực hiện một bước cải cách hành chính và nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước.

Hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tiếp tục được đổi mới, đúng luật định, bảo đảm không ngừng nâng cao vai trò của cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương. Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân đã cụ thể hóa được Nghị quyết của Đảng bộ các cấp, phù hợp với ý chí và nguyện vọng của cử tri.

Ủy ban nhân dân các cấp đã thực sự là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân và là cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương. Hệ thống pháp luật, các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và các quyết định của cơ quan Nhà nước cấp trên được tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc. Bộ máy chính quyền các cấp từng bước được kiện toàn về tổ chức và hoạt động. Bước đầu

triển khai thực hiện cải cách thủ tục hành chính ở một số lĩnh vực; tập trung đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, cả về trình độ lý luận và năng lực chuyên môn.

6/- Có chuyển biến trong công tác dân vận của Đảng, phát huy tốt hơn vai trò của Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể và vai trò làm chủ của nhân dân trên các lĩnh vực, đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng.

Khởi đại đoàn kết toàn dân ngày càng được củng cố trên cơ sở liên minh công nhân-nông dân-trí thức. Các giai cấp và tầng lớp nhân dân đã phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường, vượt qua khó khăn thử thách, góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị ở tỉnh. Đã xuất hiện nhiều mô hình liên minh công nông trên lĩnh vực kinh tế hoạt động có hiệu quả. Đội ngũ trí thức ở tỉnh đã có bước trưởng thành và đang trên đà phát triển. Đa số trí thức xuất thân từ công nhân và nông dân, giàu lòng yêu nước, trung thành với công cuộc đổi mới của Đảng, phát huy được tài năng, trí tuệ góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nhà. Nhiều cá nhân tiêu biểu trong chức sắc tôn giáo, già làng dân tộc, trí thức, người Hoa, công thương gia... tham gia Mặt trận Tổ quốc các cấp đã phát huy được vai trò của mình, góp phần xây dựng khối đoàn kết toàn dân ở cơ sở.

Tiếp tục triển khai thực hiện các quan điểm đổi mới công tác vận động quần chúng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8B, các chủ trương, chính sách về thanh niên, phụ nữ, đại đoàn kết dân tộc, người Hoa, tôn giáo và các vấn đề về giai cấp công nhân, nông dân. Kiện toàn và nâng chất lượng hoạt động ban dân vận các cấp và đội ngũ cán bộ làm công tác ở cơ sở. Chú trọng củng cố tổ chức, bộ máy và đào tạo cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt của Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp; đồng thời quan tâm chỉ đạo đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể theo phương châm hướng về cơ sở. Công tác dân vận của hệ thống chính trị các cấp có tiến bộ, tạo điều kiện cho nhân dân phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất – tinh thần và tham gia các hoạt động xã hội theo chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tham gia xây dựng chính quyền ngày càng được phát huy trên nhiều lĩnh vực, thể hiện qua hiệp thương, tham gia bầu cử Quốc hội khóa X (năm 1997), bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp năm 1999 và công tác

hòa giải, góp phần giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân từ cơ sở. Mặt trận Tổ quốc tích cực tham gia với Hội đồng nhân dân trong việc giám sát thực hiện các chính sách, thi hành pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích chính Đảng, hợp pháp của nhân dân.

Thực hiện chỉ thị 30/TW ngày 18/2/1998 của Bộ Chính trị về xây dựng và thực hiện qui chế dân chủ cơ sở, chế độ dân chủ trực tiếp của nhân dân ngày càng được phát huy, tạo nên không khí dân chủ trong sinh hoạt cộng đồng dân cư. Tình làng nghĩa xóm, tình đoàn kết, ý thức tự quản được nâng cao, góp phần củng cố, xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể ở cơ sở, khắc phục dần tình trạng suy thoái phẩm chất, tệ quan liêu, tham nhũng ở các cơ quan công quyền.

Thông qua chương trình công tác cụ thể hàng năm của Mặt trận và các đoàn thể, các cuộc vận động nhân dân được triển khai sâu rộng, phong phú và đa dạng hơn. Phong trào hành động cách mạng trong công nhân, nông dân, trí thức, cựu chiến binh, thanh niên, phụ nữ, công thương gia, người cao tuổi, đồng bào các dân tộc ít người, các tôn giáo... tiếp tục phát triển, góp phần tích cực vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh và đạt được kết quả cao về công tác tập hợp quần chúng, phát triển đoàn viên, hội viên. Đến cuối tháng 6/2000 tất cả các đoàn thể nhân dân đều đạt và vượt chỉ tiêu tập hợp quần chúng vào tổ chức theo Nghị quyết năm 2000 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh (Nghị quyết 59/TU); đặc biệt công tác xây dựng tổ chức công đoàn trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phát triển nhanh tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý, giáo dục nâng chất lượng giai cấp công nhân công nghiệp trong tỉnh.

7/- Tích cực xây dựng và chỉnh đốn Đảng, từng bước nâng dần năng lực lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và đội ngũ đảng viên, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị đã đề ra.

Công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng luôn được coi là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng bộ. Việc triển khai quán triệt Nghị quyết được các cấp ủy Đảng luôn quan tâm chỉ đạo chặt chẽ. Trong triển khai đã có sự đổi mới về hình thức, phương pháp do đó nâng cao được chất lượng, hiệu quả học tập, số lượng đảng viên dự học đạt tỷ lệ khá cao. Hầu hết các Nghị quyết được triển khai đến cán bộ cốt cán các cơ quan, đoàn thể và một số Nghị quyết được phổ biến tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân.

Việc thực hiện Nghị quyết 27/TU, Nghị quyết 09/TW và Nghị quyết 01/TW của Bộ Chính trị về công tác giáo dục, bồi dưỡng nâng cao nhận thức lý luận Chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ đảng viên được các cấp ủy quan tâm chỉ đạo, đồng thời đẩy mạnh công tác giáo dục rèn luyện về đạo đức cách mạng, lối sống trong sạch lành mạnh trong cán bộ, đảng viên thông qua triển khai các đợt học tập về đạo đức, tư tưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh; quán triệt và thực hiện Nghị quyết Trung ương 5, Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) của Trung ương Đảng. Quan tâm kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác tư tưởng, văn hóa, nhất là các trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thành phố, ban tuyên giáo cơ sở xã, phường; nâng được chất lượng hoạt động của đội ngũ lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp.

Các đợt sinh hoạt chính trị thực hiện Nghị quyết Trung ương 5, Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), và thực hiện Luật Bầu cử được triển khai rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân. Việc đưa thông tin nhiều chiều, có định hướng và giáo dục cán bộ, đảng viên, quần chúng nâng cao cảnh giác, chống âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch được chú trọng. Công tác tuyên truyền những ngày kỷ niệm lớn trong năm được hướng dẫn chỉ đạo chặt chẽ nhằm giáo dục truyền thống cho cán bộ đảng viên và quần chúng nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ đã có tác dụng giáo dục sâu sắc, động viên các tầng lớp nhân dân hưởng ứng các cuộc vận động; chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội; xóa đói giảm nghèo, xã hội hóa giao thông nông thôn, giao thông khu phố, xã hội hóa giáo dục, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, khẳng định ý nghĩa to lớn của những thành tựu kinh tế - xã hội của cả nước, ở tỉnh. Qua đó đã tạo được sự nhất trí về tư tưởng và hành động ngày càng cao trong Đảng và trong xã hội, đẩy mạnh công cuộc đổi mới, giữ vững ổn định chính trị, an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, góp phần củng cố lòng tin của cán bộ, đảng viên, quần chúng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Nguyên tắc tập trung dân chủ được hầu hết đảng viên và tổ chức Đảng chấp hành nghiêm túc, coi đó là nguyên tắc cơ bản trong việc xây dựng và củng cố tổ chức Đảng. Mọi hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng được dân chủ thảo luận, quyết định theo đa số. Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành qui chế làm việc của cấp ủy, quyết định qui chế làm việc của các ban Đảng và các qui chế trong công tác cán bộ. Các cấp ủy trực thuộc, các Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn đều xây dựng được qui chế làm việc và thực hiện qui chế khá chặt chẽ. Việc sơ kết rút kinh nghiệm hoạt động Ban cán sự Đảng và hướng

dẫn xây dựng quy chế (tạm thời) đã tạo điều kiện cho các Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn hoạt động hiệu quả hơn, đảm bảo được sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan quản lý Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể.

Công tác chỉ đạo sắp xếp củng cố kiện toàn các cơ quan Đảng các cấp; thực hiện cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức Đảng trong hệ thống chính trị đã nâng cao được vai trò lãnh đạo của Đảng trên mọi lĩnh vực. Hệ thống các ban Đảng tỉnh và cấp huyện được kiện toàn một bước về tổ chức, đổi mới lề lối làm việc, nâng cao được chất lượng và hiệu quả hoạt động.

Công tác xây dựng củng cố tổ chức cơ sở Đảng được các cấp ủy quan tâm tập trung chỉ đạo. Đã thực hiện thống nhất quy định ngày sinh hoạt cơ sở Đảng trong toàn tỉnh; tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm để bổ sung quy chế hoạt động của loại hình chi bộ cơ quan (Quy định 54/TW) và chi bộ trong các doanh nghiệp nhà nước (Quy định 49/TW). Đồng thời quan tâm chỉ đạo việc xây dựng, củng cố 19 tổ chức Đảng trong các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với 210 đảng viên theo Chỉ thị 07/TW của Bộ Chính trị. Những cơ sở Đảng yếu, nhất là những nơi mất đoàn kết nội bộ, được tập trung chỉ đạo củng cố; nhiều cơ sở Đảng đã khắc phục được tình trạng yếu kém để vươn lên. Qua thực tiễn hoạt động và củng cố, các tổ chức cơ sở Đảng đã có bước chuyển biến quan trọng về chỉnh đốn tổ chức, đổi mới phương thức hoạt động; nề nếp và chất lượng sinh hoạt Đảng được nâng lên; lề lối làm việc và mối quan hệ giữa cấp ủy với chính quyền, đoàn thể gắn bó hơn. Phần lớn cơ sở Đảng đã thể hiện được vai trò là hạt nhân chính trị trong việc lãnh đạo thực hiện đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở. Tỷ lệ tổ chức cơ sở Đảng hàng năm đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh được nâng lên, bình quân trong nhiệm kỳ 1996 - 2000 đạt 69,5% (cao hơn 12,2% bình quân nhiệm kỳ trước).

Đội ngũ đảng viên không ngừng phát triển cả về số lượng và chất lượng. Đến tháng 12/2000 toàn Đảng bộ có 22.753 đảng viên đang sinh hoạt ở 706 tổ chức cơ sở Đảng, trong đó có 5.026 đảng viên nữ, 1.640 đảng viên dự bị. Trải qua thử thách ở cơ sở, đa số đảng viên đã thể hiện được phẩm chất chính trị vững vàng, kiên định với mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, quyết tâm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng. Hơn 90% đảng viên được phân công công tác cụ thể, đi đầu trong các phong trào ở cơ

sở. Kết quả đánh giá chất lượng hàng năm phần lớn đảng viên đều đủ tư cách đảng viên mức 1 như: năm 1996 đạt 88,4%, năm 1997 đạt 88,5%, năm 1998 đạt 84,34%, năm 1999 đạt 84,84%.

Công tác phát triển Đảng được các cấp ủy đặc biệt quan tâm, căn cứ vào Nghị quyết Đại hội VI của tỉnh, hàng năm các cấp đều xây dựng chỉ tiêu phát triển Đảng cụ thể. Chỉ đạo chặt chẽ công tác xây dựng củng cố và phát triển đội ngũ trung kiên. Tạo điều kiện kinh phí cho công tác thẩm tra, xác minh lý lịch. Xây dựng kế hoạch và kiểm tra đôn đốc kế hoạch phát triển Đảng đến từng cơ sở Đảng. Do đó trong 5 năm qua (từ 1996 đến 2000) công tác phát triển Đảng có bước chuyển biến mạnh mẽ, đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (phát triển từ 6% đến 7% so với tổng số đảng viên cuối năm trước). Kết quả từ năm 1996 đến năm 2000 toàn Đảng bộ tỉnh đã kết nạp được 5.733 đảng viên mới. Chất lượng đội ngũ đảng viên mới được nâng lên, phát huy được tác dụng.

Các cấp ủy đã nghiêm túc thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Nội dung kiểm điểm tập trung vào các vấn đề chủ yếu theo chỉ đạo của Trung ương về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và tổ chức chỉ đạo điều hành, trong đó chú trọng làm rõ những khuyết điểm và nguyên nhân của khuyết điểm trong quá trình thực hiện, đồng thời xây dựng các biện pháp để khắc phục khuyết điểm. Kết quả đợt sinh hoạt chính trị ở các tổ chức Đảng đã làm tăng thêm sự thống nhất về nhận thức tư tưởng, về ý chí hành động của đội ngũ đảng viên, tăng cường trách nhiệm của các cấp ủy, các tổ chức Đảng, cán bộ đảng viên trong công tác xây dựng Đảng và trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị đã đề ra.

Tỉnh ủy đã xây dựng chiến lược cán bộ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; qua đó từng bước tiến hành rà soát, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ; tổ chức tổng kết đánh giá và đề ra Nghị quyết về công tác qui hoạch và đào tạo cán bộ; ban hành các qui chế về công tác cán bộ và thực hiện chính sách cán bộ. Đến nay, các cấp ủy và phần lớn các tổ chức Đảng cơ sở đã xây dựng được qui hoạch cán bộ của mình, phục vụ có kết quả việc lựa chọn, giới thiệu cán bộ tham gia ứng cử, bầu cử vào các chức danh chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể và cấp ủy các cấp trong nhiệm kỳ tới.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được quan tâm. Hầu hết cán bộ chủ chốt và đa số cán bộ đảng viên các ngành, các cấp đều có ý thức tích cực học tập nâng cao trình độ mọi mặt để đủ sức hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trong nhiệm kỳ đã có 13.876 cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức các mặt, trong đó đào tạo từ trung cấp trở lên cho 5.196 cán bộ và bồi dưỡng kiến thức

chuyên môn nghiệp vụ cho 8.680 cán bộ. Chính sách đối với cán bộ được các cấp ủy chú trọng, kịp thời khen thưởng, tặng thưởng huân chương bậc cao cho những người có công với nước và thường xuyên tổ chức thăm hỏi cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ hưu trí...

- *Công tác kiểm tra* đã có *chuyển biến cả về nhận thức, lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ* theo quy định của điều 30 của Điều lệ Đảng, chỉ thị 29 của Bộ Chính trị và hướng dẫn của ủy ban kiểm tra Trung ương. Các cấp ủy đã nhận thức sâu tầm quan trọng của công tác kiểm tra đối với tổ chức Đảng và Đảng viên trong việc chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách, các Nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật Nhà nước. Trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch hàng năm tiến hành kiểm tra các tổ chức Đảng cấp dưới theo quy định.

- Nội dung và phương pháp kiểm tra Đảng của Ủy ban kiểm tra các cấp có bước đổi mới, từng bước khắc phục được sự lúng túng trong việc nắm bắt các dấu hiệu vi phạm của đảng viên và tổ chức Đảng cấp dưới, chủ động xây dựng mối quan hệ, phối hợp với các ngành chức năng của Nhà nước để tăng cường công tác kiểm tra Đảng, xác minh và kết luận các vụ việc của đảng viên và tổ chức Đảng được chính xác.

Nhìn chung, công tác kiểm tra Đảng trong nhiệm kỳ đã được tiến hành thường xuyên, kịp thời giúp đảng viên và các tổ chức Đảng khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm, xử lý kịp thời những trường hợp vi phạm, giữ nghiêm kỷ luật của Đảng. Trong nhiệm kỳ qua, hầu hết các tổ chức Đảng đều được kiểm tra, kết quả đã xử lý kỷ luật 1.072 đảng viên và 29 tổ chức Đảng với các hình thức: khiển trách 395 đảng viên và 8 tổ chức Đảng, cảnh cáo 451 đảng viên và 21 tổ chức Đảng, cách chức 81 đảng viên, khai trừ 145 đảng viên.

Về công tác bảo vệ chính trị nội bộ, các cấp ủy đã triển khai và tổ chức thực hiện đạt kết quả bước đầu công tác rà soát chất lượng chính trị đội ngũ cán bộ, đảng viên nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt theo tinh thần Chỉ thị 39/TW của Bộ Chính trị, góp phần phục vụ việc qui hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, đề bạt cán bộ theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị.

Công tác xem xét phát triển đảng viên mới và giải quyết các đơn thư khiếu nại-tố cáo của cán bộ, đảng viên có liên quan đến lịch sử chính trị được các cấp ủy quan tâm chỉ đạo thực hiện chặt chẽ đã góp phần làm trong sạch và nâng cao chất lượng chính trị đội ngũ cán bộ, đảng viên trong tỉnh.

Phương thức lãnh đạo của các cấp ủy Đảng tiếp tục được đổi mới. Tất cả các cấp ủy đã xây dựng được quy chế và làm việc theo quy chế, quy định rõ trách nhiệm và quyền hạn, chế độ làm việc của Thường vụ cấp ủy, Thường trực cấp ủy và cá nhân Thường vụ cấp ủy. Xây dựng được chương trình làm việc toàn khóa, hàng năm, hàng quý, hàng tháng, hàng tuần để chủ động điều hành hoạt động của Đảng bộ. Bổ sung, hoàn chỉnh quy chế thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng loại hình tổ chức cơ sở Đảng. Làm rõ mối quan hệ Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Thực hiện chặt chẽ chế độ làm việc giữa Thường trực cấp ủy với Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo điều hành và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đảng. Ban hành quy chế tạm thời về chức năng, nhiệm vụ và lề lối làm việc của Ban cán sự Đảng để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan quản lý Nhà nước.

Bước đầu đổi mới công tác sơ kết, tổng kết Nghị quyết của Đảng, giảm bớt các hội nghị không cần thiết. Cải tiến quy trình xây dựng và triển khai thực hiện các văn bản của cấp ủy, thực hiện nghiêm chế độ thỉnh thị, báo cáo, thông tin kịp thời, chính xác phục vụ cho lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy.

Nguyên nhân đạt được những thành tựu trên là nhờ có đường lối đổi mới đúng đắn của đảng, là kết quả của sự nỗ lực lớn ở các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp các ngành trong việc lãnh đạo, điều hành, thực hiện nhiệm vụ chính trị. Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội đã có nhiều biện pháp tích cực trong quá trình tập hợp, động viên quây chúng nhân dân thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương.

II/- NHỮNG TỒN TẠI, YẾU KÉM :

1/- Mức độ tăng trưởng kinh tế trong thời gian gần đây có xu hướng chậm lại, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng nhưng thiếu đồng bộ, quá trình thực hiện công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn chưa đạt yêu cầu so mục tiêu Nghị quyết.

Tốc độ công nghiệp phát triển cao, nhưng vẫn còn một số doanh nghiệp vốn trong nước hiệu quả kinh tế thấp, chất lượng sản phẩm kém. Nhiều loại sản phẩm công nghiệp chất lượng thấp, đơn điệu, chưa đáp ứng thị hiếu tiêu dùng dân cư và yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn trong tình hình mới.

Mức độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, nông thôn chưa đạt yêu cầu theo Nghị quyết, ngành nghề ở nông thôn phát triển chưa tương xứng với tiềm năng to lớn về tài nguyên và nguồn lao động. Một số cây trồng, vật nuôi có lợi thế ở địa phương (cà phê, điều, cao su, mía, bắp, mỳ, chăn nuôi heo, gà...) phát triển chưa ổn định, phụ thuộc phần lớn vào tình hình thị trường, dẫn đến tình trạng cung vượt cầu ở từng thời điểm, gây tác động xấu đến sản xuất, làm ảnh hưởng không ít đến thu nhập và sức mua của nông dân.

Quản lý đất đai, quản lý giống cây trồng, vật nuôi chưa đi vào nề nếp ổn định. Tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giao đất, giao rừng cho dân tiến hành chậm, làm ảnh hưởng mục tiêu phủ xanh đất trống đồi trọc, hạn chế việc khai thác tiềm năng về lao động, đầu tư và thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển.

Thị trường tiêu thụ nông sản còn bóp bênh. Quy mô, phương thức kinh doanh của thương nghiệp Nhà nước, mạng lưới dịch vụ nông nghiệp - nông thôn ở các vùng sâu, vùng xa chưa mở rộng, thương nghiệp tư nhân phát triển nhưng chủ yếu là quy mô nhỏ. Dịch vụ du lịch còn yếu kém cả về cơ sở vật chất và phương thức hoạt động, sức cạnh tranh yếu. Các lĩnh vực thông tin, tiếp thị chưa vươn lên đáp ứng kịp yêu cầu tình hình mới, một số ngành dịch vụ chưa được khai thác đúng mức như: dịch vụ vận tải công cộng, cung cấp thức ăn nhanh, nhà ở, bảo hiểm, tư vấn, tiếp thị, kiểm toán.

Việc đổi mới, sắp xếp lại doanh nghiệp Nhà nước tuy được thực hiện nhưng kết quả còn hạn chế, làm cho các doanh nghiệp không mạnh được về vốn, thấp về trình độ công nghệ và tay nghề, khó giữ vững trong quá trình phát triển lâu dài, chưa đủ

sức tham gia hội nhập và cạnh tranh với kinh tế khu vực. Chậm phát triển kinh tế hợp tác, Hợp tác xã theo luật định. Kinh tế dân doanh phát triển chưa tương xứng tiềm năng.

Tỷ trọng đầu tư trong nước tăng lên hàng năm nhưng vẫn còn thấp, chưa thu hút được nhiều nguồn vốn nhân rỗi trong nhân dân để đầu tư phát triển kinh tế, tăng cường nội lực. Mức độ thu hút vốn đầu tư nước ngoài (bao gồm vốn FDI, ODA và các nguồn vốn khác) ngày càng lớn, nhưng việc quản lý, kiểm tra, kiểm soát sau giấy phép chưa chặt chẽ. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tuy được phát triển, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu của sản xuất và đời sống.

Công tác quản lý thu ngân sách có lúc, có nơi còn để thất thu, thu chưa đúng, chưa đủ và chưa nộp kịp thời vào ngân sách Nhà nước. Việc quản lý chi ngân sách, sử dụng và quản lý tài sản công, quản lý tài chính ở một số doanh nghiệp, các khoản phí và lệ phí ... Còn biểu hiện chưa thật chặt chẽ.

2/- Nhiều vấn đề xã hội còn bức xúc; đời sống dân cư ở các vùng sâu, vùng xa còn khó khăn.

Chất lượng và hiệu quả giáo dục phần lớn các trường ngoài công lập còn thấp. Việc quy hoạch, xây dựng kế hoạch phát triển ngành chưa theo kịp với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tình trạng dạy thêm, học thêm tràn lan, chậm có giải pháp khắc phục. Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi học mẫu giáo còn thấp, chưa đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra.

Kết quả chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp còn chậm. Lao động chưa có việc làm tuy có giảm so với năm 1995 nhưng không đáng kể (3,8% so với 4,8%). Tỷ lệ lao động được đào tạo nghề đạt thấp (dưới 15%), chưa đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra.

Chưa thực hiện được mục tiêu 100% trạm y tế xã có bác sĩ, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn trên 30 %. Chất lượng khám chữa bệnh, thái độ phục vụ của một số cán bộ y tế chưa tốt. Công tác quản lý vệ sinh các nơi công cộng, an toàn thực phẩm, quản lý thuốc chữa bệnh nhất là thuốc y học dân tộc chưa chặt chẽ.

Kết quả giảm hộ nghèo chưa đạt mục tiêu Nghị quyết, dễ phát sinh nguy cơ tái nghèo. Thực hiện bảo hiểm y tế cho người nghèo chưa được mở rộng (chỉ mới giải quyết được cho các đối tượng đối, trợ cấp xã hội và ở vùng dân tộc). Tệ nạn xã hội chưa giảm số trẻ em bị xâm hại, nghiện hút, vi phạm pháp luật có chiều hướng tăng.

Các hoạt động khoa học công nghệ chưa gắn kết chặt chẽ với nhu cầu và hoạt động của các ngành kinh tế-xã hội, chậm đưa vào ứng dụng những kết quả đã nghiên cứu. Môi trường đô thị, khu công nghiệp tập trung và một số sông rạch bị ô nhiễm ngày càng nặng.

Công tác truyền thanh truyền hình gần đây tuy có tiến bộ nhưng chất lượng phát sóng chưa cao, nội dung chương trình chưa phong phú. Một số hoạt động văn hóa ở các vùng sâu, vùng xa chuyển biến chậm.

3/- Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội còn diễn biến phức tạp.

Các nhen nhóm chính trị phản động đang tích cực xây dựng lực lượng và hoạt động âm mưu phá hoại thành quả công cuộc đổi mới. Tình hình tội phạm kinh tế, tội phạm hình sự chưa giảm, xuất hiện một số bọn tội phạm hoạt động có tổ chức, mang tính chất táo bạo nguy hiểm; tệ nạn mãi dâm, ma túy nhất là tệ nạn ma túy trong thanh thiếu niên, trong nhà trường là một vấn đề quan tâm của xã hội. Ý thức chấp hành luật giao thông chưa cao, tai nạn giao thông còn nhiều; trật tự công cộng ở một số chợ, thị trấn chưa đảm bảo tốt. Quản lý nhân hộ khẩu còn lỏng lẻo. Công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật có làm nhưng chưa đạt hiệu quả cao.

4/- Dân chủ XHCN chưa được phát huy đúng mức quyền làm chủ của nhân dân trên từng lĩnh vực còn bị vi phạm. Công tác vận động một số tầng lớp dân cư trong xã hội còn yếu. Công tác quản lý Nhà nước chưa thực sự đáp ứng yêu cầu đổi mới.

Việc thực hiện quy chế dân chủ mới tập trung tiến hành ở xã, phường, thị trấn; việc tổ chức thực hiện ở cơ quan, doanh nghiệp Nhà nước còn hạn chế. Quyền làm chủ của nhân dân tuy có tiến bộ, nhưng có lúc, có việc, có nơi còn bị vi phạm hoặc thực hiện mang tính hình thức. Phong trào nhân dân tham gia chống tham nhũng và chống các tệ nạn xã hội chưa mạnh.

Công tác vận động người tiêu biểu trong giới trí thức, công thương gia, kiều bào, dân tộc, người Hoa còn yếu. Nhiều trí thức chưa được sử dụng hợp lý, chậm có giải pháp cụ thể để thu hút nhân tài từ nơi khác đến làm việc và động viên khuyến khích cán bộ về công tác ở vùng sâu, vùng xa. Tỷ lệ tập hợp quần chúng vào các tổ chức đoàn thể ở vùng đồng bào có đạo, vùng dân tộc và các loại hình kinh tế dân doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài còn thấp. Một số Nghị quyết của Đảng về công tác thanh niên, phụ nữ, Mặt trận triển khai thực hiện chậm.

Công tác quản lý Nhà nước trên một số mặt kinh tế-xã hội và thực thi pháp luật chưa chặt chẽ. Công tác tiếp dân của một số cơ quan Nhà nước thăm quyền còn hình thức, việc giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của dân còn chậm. Tệ quan liêu, cửa quyền, những nhiễu trong một số cơ quan Nhà nước chưa được khắc phục triệt để.

5/- Công tác xây dựng Đảng có nhiều chuyển biến tích cực song kết quả trên từng mặt cụ thể về tư tưởng - chính trị, tổ chức cán bộ củng cố cơ sở Đảng còn hạn chế, Phương thức lãnh đạo của các cấp ủy chưa đổi mới mạnh mẽ.

- Một số cấp ủy chưa quan tâm thật sự đến công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên. Do đó chất lượng quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Đảng ở những đơn vị này chưa đạt yêu cầu đề ra. Công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận Mác- Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh chưa thật sự sâu rộng trong nhân dân, đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng chưa sắc bén, thuyết phục. Còn nhiều Nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước chưa phổ biến rộng rãi cho các tầng lớp nhân dân. Các cấp ủy đã nhận thức được việc cụ thể hóa Nghị quyết của Đảng, xây dựng được kế hoạch, chương trình, nhưng còn một số cấp ủy xây dựng nội dung chưa sát thực tiễn, tổ chức triển khai thực hiện chưa kiên quyết. Việc thực hiện quy chế đã xây dựng nhưng trong quá trình thực hiện còn nhiều lúng túng, nhất là ở cơ sở. Công tác quy hoạch cán bộ tuy được quan tâm chỉ đạo nhưng triển khai thực hiện chậm. Công tác xây dựng tổ chức Đảng trong các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo chỉ thị 07/TW của Bộ Chính trị tuy được quan tâm chỉ đạo, nhưng trong triển khai chưa đồng bộ và lúng túng trong tổ chức thực hiện nên kết quả đạt thấp.

- Công tác tự phê bình và phê bình ở một số cán bộ đảng viên còn yếu. Tình trạng vi phạm chính sách, pháp luật, nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng còn chiếm tỷ lệ cao trong các nội dung vi phạm. Việc cố ý làm trái, thiếu tinh thần trách nhiệm; tình trạng

sa sút về phẩm chất đạo đức chưa được khắc phục, trong đó có cả một số tập thể cấp ủy làm trái Nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Việc phối hợp giữa xử lý kỷ luật Đảng, kỷ luật hành chính và xử lý theo pháp luật một số trường hợp chưa chặt chẽ, chưa kịp thời, làm giảm hiệu quả giáo dục cán bộ, đảng viên qua xử lý kỷ luật Đảng.

- Chưa duy trì được chế độ làm việc giữa Thường trực cấp ủy với Thường trực Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể.

Nguyên nhân các tồn tại, yếu kém trên ngoài các nguyên nhân khách quan do ảnh hưởng thời tiết, thiên tai, cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ khu vực. Nguyên nhân chủ quan, Đảng quan tâm là :

- Công tác dự báo và xây dựng hệ thống các mục tiêu kế hoạch 5 năm 1996 - 2000, còn chú ý nhiều vào mặt thuận lợi của thời kỳ 1991-1995, mà chưa dự báo hết các mặt không thuận lợi, những yếu kém của tình hình kinh tế, chưa đánh giá đầy đủ bối cảnh kinh tế của khu vực và quốc tế trong điều kiện toàn cầu hóa. Bên cạnh đó, công tác quy hoạch còn chậm, quản lý thực hiện theo quy hoạch chưa chặt chẽ, một số quy hoạch còn hạn chế về nội dung, phương pháp và tính hiện thực, mang nặng tính chủ quan, muốn phát triển nhanh, đưa ra nhiều trọng điểm, mũi nhọn nhưng không đảm bảo được các điều kiện thực hiện.

- Thiếu biện pháp cụ thể trong phân công hợp tác sản xuất, tạo mối quan hệ phối hợp hỗ trợ đồng bộ giữa công nghiệp đô thị và tiểu thủ công nghiệp nông thôn, giữa công nghiệp Trung ương và công nghiệp địa phương trên địa bàn tỉnh với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và miền Đông Nam bộ. Chưa phát huy lợi thế so sánh, đi tắt, đón đầu, nắm bắt công nghệ mới, tạo ra những ngành và sản phẩm mũi nhọn. Ý thức vươn lên trong cạnh tranh của các doanh nghiệp còn yếu, khuynh hướng phổ biến là trông chờ vào hàng rào bảo hộ hơn là tự vươn lên qua cạnh tranh. Sự yếu kém về năng lực tiếp thị, nghiên cứu thị trường, về các dịch vụ đầu tư, dịch vụ tài chính; tình trạng buồn lậu, gian lận thương mại gia tăng.

- Năng lực lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý điều hành của Nhà nước ở các cấp các ngành còn yếu trong một số khâu, dẫn đến kỷ cương, kỷ luật, thực hiện chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước chưa nghiêm, cản trở quá trình phát triển và ảnh hưởng đến lòng tin của nhân dân. Một số cấp ủy Đảng chưa thực sự quan tâm đến công tác vận động quần chúng. Việc xây dựng và phê chuẩn hương ước, quy ước thực hiện quy chế dân chủ ở một số cơ sở chậm.

- Một số ngành, địa phương do nhận thức chưa đầy đủ về nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nên trong chỉ đạo điều hành còn lúng túng, thiếu phương án, giải pháp cụ thể để khai thác nguồn lực tại chỗ, ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa và làm hạn chế kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị ở từng cấp, từng ngành.

- Công tác tổ chức, xây dựng bộ máy, quy hoạch và đào tạo cán bộ chưa tiến hành đồng bộ, thiếu điều tra nghiên cứu và xây dựng được các chuyên đề khoa học về tổ chức quản lý. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ quản lý Nhà nước về kinh tế chưa đáp ứng kịp theo yêu cầu tình hình mới.

- Do chậm có biện pháp nên việc thực hiện cải cách hành chính tiến hành chậm, bộ máy hành chính còn công kênh và trùng lấp chức năng, chưa đảm bảo được sự điều hành tập trung thống nhất. Mặt khác quy chế công chức, công vụ cụ thể đối với từng chức danh chậm ban hành, làm cho bộ máy điều hành của Nhà nước kém hiệu quả. Tệ tham nhũng, quan liêu, lãng phí, sách nhiễu còn xảy ra ở một số nơi, nhưng thiếu biện pháp phát hiện kịp thời và ngăn chặn có hiệu quả.

III/- NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHỦ YẾU:

Qua 5 năm tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội Toàn quốc lần thứ VIII, các Nghị quyết Trung ương khóa VIII, Nghị quyết Đại hội VI Đảng bộ tỉnh, sự nghiệp đổi mới ở tỉnh Đồng Nai đã đạt được những thành tựu có ý nghĩa quan trọng trong việc duy trì tăng trưởng kinh tế và tiếp tục thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp, xóa được hộ đói, giảm đáng kể hộ nghèo, chăm lo nhiều hơn cho các đối tượng chính sách. An ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Công cuộc đổi mới, chính đôn Đảng đã đem lại nhiều kết quả tích cực, nâng cao được năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước được nâng lên.

Từ thực tiễn lãnh đạo xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội 5 năm qua ở Đảng bộ tỉnh, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

1/- Thường xuyên củng cố nâng cao năng lực lãnh đạo chính trị của toàn Đảng bộ, của từng cấp ủy và xem đó là nhiệm vụ then chốt quyết định mọi thắng lợi.

Thực tiễn thời gian qua đã cho thấy để đủ sức quán triệt và vận dụng đúng đắn đường lối chủ trương của Đảng, của từng cấp ủy và đề ra được các giải pháp thích hợp ở từng ngành, từng cấp và lãnh đạo tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao, đòi hỏi phải tăng cường giáo dục tư tưởng, giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng, bảo đảm sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ từng cấp ủy Đảng, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Phải thường xuyên kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Đảng để phát huy nhân tố tích cực, chấn chỉnh kịp thời các tồn tại yếu kém phát sinh nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đảng bộ đề ra.

2/- Quan tâm củng cố xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh gắn liền với củng cố, xây dựng chính quyền Mặt trận và các đoàn thể là cơ sở để xây dựng hệ thống chính trị hoạt động có hiệu quả trên mọi lĩnh vực.

Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa là một sự nghiệp cách mạng vĩ đại, đầy khó khăn, thử thách, đặt ra cho Đảng ta phải tiếp tục làm tốt “nhiệm vụ tự đổi mới, tự chỉnh đốn Đảng”, xây dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ mới. Để thực hiện tốt yêu cầu đó, cần tăng cường sự lãnh đạo của từng cấp ủy đối với công tác xây dựng Đảng, mở rộng và nâng cao chất lượng các tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh, thu hẹp diện cơ sở yếu kém, nâng cao nhận thức của các tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên về tinh thần tự đổi mới, tự chỉnh đốn Đảng. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, thước đo kết quả nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở Đảng không chỉ ở kết quả xây dựng nội bộ đoàn kết tốt mà phải thể hiện ở sự vững mạnh của các cơ quan chính quyền, các tổ chức kinh tế xã hội và các đoàn thể quần chúng do Đảng lãnh đạo, hoạt động theo đúng luật pháp và có hiệu quả cao. Tổ chức Đảng phải củng cố mối quan hệ giữa đảng viên và quần chúng, có trách nhiệm giáo dục, bồi dưỡng, giới thiệu người tham gia vào các cơ quan chính quyền và đoàn thể; hướng dẫn giúp đỡ, kiểm tra, giám sát và tạo mọi điều kiện tốt nhất cho cán bộ chính quyền và đoàn thể hoàn thành nhiệm vụ được giao. Cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh phải trên cơ sở hoạt động của chính quyền và đoàn thể vững mạnh.

3/- Cần nhận thực đúng đắn về phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa để trên cơ sở đó củng cố, nâng cao năng lực quản lý điều hành của chính quyền các cấp vì mục tiêu dân giàu nước mạnh xã hội công bằng văn minh.

Trên cơ sở quán triệt, vận dụng đúng đắn quan điểm, đường lối chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, các ngành, các cấp cần có phương án, giải pháp phù hợp nhằm khuyến khích tạo môi trường thuận lợi, thực hiện bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, các tổ chức xã hội và công dân là việc làm có ý nghĩa quan trọng để khai thác mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển. Gắn phát triển kinh tế với thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội, nhất là thực hiện có hiệu quả chương trình xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, chăm lo sức khỏe nhân dân, nâng cao dân trí, phát huy truyền thống tốt đẹp và bản sắc văn hóa dân tộc, tinh thần cách mạng và yêu nước của nhân dân.

Thực tiễn thời gian qua đã chỉ rõ để thực hiện việc phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết của Đảng đề ra, đòi hỏi các ngành các cấp phải tăng cường vai trò quản lý Nhà nước thông qua việc thường xuyên kiểm tra, giám sát, và kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót tồn tại phát sinh trong quá trình thực hiện Nghị quyết, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước ở cơ sở.

4/- Mở rộng, tăng cường khối đại đoàn kết đoàn dân phát huy vai trò làm chủ của nhân dân tạo nên sức mạnh toàn dân thực hiện công nghiệp hóa hiện đại hóa tỉnh nhà là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược và cấp bách.

Thực tiễn 5 năm thực hiện đổi mới công tác vận động quần chúng đã chứng minh nơi nào cấp ủy Đảng tăng cường và đặt đúng vị trí của Mặt trận, các đoàn thể trong quá trình đổi mới hệ thống chính trị thì nơi đó có phong trào hành động sôi nổi của nhân dân, chính trị ổn định, mối quan hệ của Đảng với nhân dân gắn bó hơn, sức mạnh nhân dân được phát huy. Để phát huy vai trò làm chủ của nhân dân cần xây dựng, thực hiện đồng bộ qui chế phối hợp giữa chính quyền, Mặt trận và đoàn thể các cấp, thực hiện sự kết hợp các phong trào hành động cách mạng của nhân dân với công tác quản lý Nhà nước của chính quyền các cấp, bảo đảm cho quá trình thực hiện và tham gia xây dựng chính sách, pháp luật hợp lòng dân, đáp ứng lợi ích hợp pháp của nhân dân, nhất là ở khu dân cư, bảo đảm thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đảng, điều quan trọng là phải có cơ chế đồng bộ của cả hệ

thống chính trị, nắm chắc tình hình đời sống, phát hiện kịp thời những vấn đề bức xúc trong nhân dân, tổ chức bàn bạc dân chủ với nhân dân, dựa vào dân.

PHẦN THỨ HAI

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TỪ NAY ĐẾN NĂM 2005

A/- ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH :

1/- Thuận lợi:

Sự ổn định chính trị - xã hội là nền tảng vững chắc tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Thể chế quản lý kinh tế, hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách từng bước hoàn chỉnh, đồng bộ hóa và đang phát huy tích cực.

Tiềm năng kinh tế ở địa phương về lao động, đất đai, ngành nghề còn dồi dào. Năng lực sản xuất sau 10 năm đổi mới được nâng lên đáng kể. Kết cấu hạ tầng (giao thông, thủy lợi, điện...) có bước phát triển khá. Cơ cấu kinh tế đã chuyển dịch theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp, tạo tiền đề phát triển trong giai đoạn sau.

Việc phát triển khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn đã trở thành một bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, góp phần vào việc tăng cường năng lực, thúc đẩy chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

2/- Khó khăn và thách thức: